

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 38
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 38



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn HAPACO”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn HAPACO cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được đổi tên từ Công ty Cổ phần HAPACO theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 21/11/2009. Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần HAPACO theo Quyết định số 1912/QĐ/UB ngày 28/10/1999 do UBND thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Tập đoàn HAPACO tại: Tầng 5+6 Tòa nhà Khánh Hội - Quận Ngô Quyền - Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Vũ Dương Hiền	Chủ tịch	
Ông: Vũ Xuân Thủy	Ủy viên	
Ông: Vũ Xuân Thịnh	Ủy viên	
Bà: Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ủy viên	
Ông: Vũ Xuân Cường	Ủy viên	
Ông: Nguyễn Văn Hường	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2016)
Bà: Nguyễn Lệ Thủy	Ủy viên	(Bỏ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2016)
Ông: Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn HAPACO trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Vũ Xuân Cường	Tổng Giám đốc
Ông: Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Nguyễn Thanh Toàn	Trưởng ban	
Bà: Trần Tiêu Phụng	Thành viên	
Bà: Cao Thị Thúy Lan	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2016)
Ông: Võ Văn Tính	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2016)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tập đoàn HAPACO.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn HAPACO trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Tập đoàn HAPACO xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn HAPACO sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn HAPACO, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn HAPACO và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn HAPACO tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn HAPACO không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

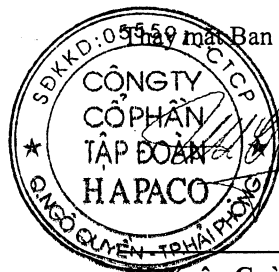
Thay mặt Hội đồng Quản trị



Vũ Dương Hiền

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 29 tháng 03 năm 2017



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Xuân Cường

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được lập ngày 29 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn HAPACO theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn HAPACO liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn HAPACO. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Tập đoàn HAPACO thực hiện phát hành 19.260.114 cổ phiếu trong năm 2015, việc phát hành và sử dụng của Tập đoàn HAPACO là đúng mục đích.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Lê Văn Tùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

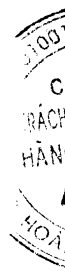
số: 1479-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	01/01/2016	
			31/12/2016 VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		349.195.722.834	278.398.991.357
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	885.467.654	918.953.889
111	1. Tiền		885.467.654	918.953.889
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	37.332.649.351	79.600.074.400
121	1. Chứng khoán kinh doanh		363.842	363.842
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(279.042)	(289.442)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		37.332.564.551	79.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		310.976.044.942	197.878.402.181
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	2.940.010.724	1.225.746.196
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	6.821.852.424	6.823.538.424
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	11.001.778.053	24.853.778.053
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	294.127.931.565	169.067.433.732
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.915.527.824)	(4.092.094.224)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.560.887	1.560.887
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.494.976	1.494.976
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		65.911	65.911
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		508.367.348.170	632.095.954.082
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	74.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	07	-	74.000.000
220	II. Tài sản cố định		214.088.960	246.815.924
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	214.088.960	246.815.924
222	- Nguyên giá		796.235.000	796.235.000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(582.146.040)	(549.419.076)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	1.558.422.298
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.558.422.298
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	508.153.259.210	630.216.715.860
251	1. Đầu tư vào công ty con		256.226.220.713	256.226.220.713
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		332.517.676.093	466.838.328.891
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(80.590.637.596)	(92.847.833.744)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		857.563.071.004	910.494.945.439

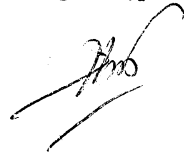


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		221.186.392.429	266.751.350.899
310	I. Nợ ngắn hạn		108.076.032.515	132.430.698.101
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	3.171.657.613	6.232.639.663
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.459.574.621	1.459.574.621
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	14.881.688.680	28.491.080.195
314	4. Phải trả người lao động		240.760.453	287.295.872
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	791.561.771	6.071.380.300
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	40.816.484.578	37.322.265.766
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	46.683.763.926	52.566.461.684
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		30.540.873	-
330	II. Nợ dài hạn		113.110.359.914	134.320.652.798
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11	113.110.359.914	134.320.652.798
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		636.376.678.575	643.743.594.540
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	636.376.678.575	643.743.594.540
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		556.266.210.000	515.202.360.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		556.266.210.000	515.202.360.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		29.895.944.671	29.925.944.671
415	3. Cổ phiếu quỹ		(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		48.799.641.664	48.799.641.664
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.985.672.240	54.386.438.205
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(15.337.951.958)	27.455.830.192
421b	LNST chưa phân phối năm nay		21.323.624.198	26.930.608.013
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		857.563.071.004	910.494.945.439

Người lập biểu



Cao Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng



Cao Thị Thúy Lan

Lập ngày 29 tháng 03 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	24.867.048.849	21.060.836.493
22	7. Chi phí tài chính	19	2.764.539.766	40.864.870.791
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		15.017.513.240	20.323.614.725
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	7.453.108.547	11.414.092.805
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.649.400.536	(31.218.127.103)
31	11. Thu nhập khác	21	15.881.742.801	74.500.347.453
32	12. Chi phí khác	22	7.318.782.146	9.163.747.109
40	13. Lợi nhuận khác		8.562.960.655	65.336.600.344
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.212.361.191	34.118.473.241
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	1.888.736.993	7.187.865.228
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>21.323.624.198</u>	<u>26.930.608.013</u>

Người lập biểu

Cao Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng

Cao Thị Thúy Lan

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2017



Vũ Xuân Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		23.212.361.191	34.118.473.241
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(22.250.581.593)	(44.061.308.337)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		32.726.964	32.726.964
03	- Các khoản dự phòng		(12.433.772.948)	22.630.677.856
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(1.461.447)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(24.867.048.849)	(87.046.866.435)
06	- Chi phí lãi vay		15.017.513.240	20.323.614.725
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		961.779.598	(9.942.835.096)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		8.117.259.652	7.611.044.746
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4.171.603.559)	(24.779.834.584)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(18.334.841.496)	(18.245.520.601)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.580.471.042)	(2.026.780.365)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		96.296.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(89.800.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(29.001.380.847)	(47.383.925.900)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(49.556.936.252)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		56.193.435.449	65.679.023.807
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(51.254.091.084)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.549.832.805	19.928.832.965
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		81.743.268.254	(15.203.170.564)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	96.206.256.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		29.917.740.685	43.367.595.828
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(57.010.731.327)	(60.196.535.296)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(25.682.383.000)	(16.048.344.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(52.775.373.642)	63.328.972.532
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(33.486.235)	741.876.068

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		918.953.889	175.616.374
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	1.461.447
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>885.467.654</u>	<u>918.953.889</u>

Người lập biểu



Cao Thị Thúy Lan

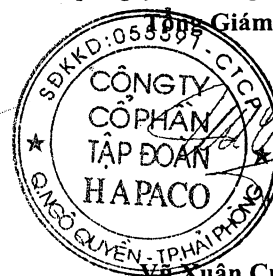
Kế toán trưởng



Cao Thị Thúy Lan

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Giám đốc



Vũ Xuân Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được đổi tên từ Công ty Cổ phần HAPACO theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 21/11/2009. Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần HAPACO theo Quyết định số 1912/QĐ/UB ngày 28/10/1999 do UBND thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Tập đoàn HAPACO tại: Tầng 5+6 Tòa nhà Khánh Hội - Quận Ngô Quyền - Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh của Tập đoàn HAPACO là: 500.002.510.000 đồng (tương đương 50.000.251 cổ phần). Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp tại thời điểm 31/12/2016 là 556.266.210.000 đồng (tương đương 55.626.621 cổ phần). Mệnh giá một cổ phần là: 10.000 đồng/cổ phần. Tại thời điểm 31/12/2016, Tập đoàn HAPACO đã hoàn thành tăng vốn lên 556.266.210.000 đồng nhưng vẫn chưa hoàn thành thủ tục để thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh mới.

Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

- Tại thời điểm 31/12/2016, Tập đoàn HAPACO đã hoàn thành tăng vốn lên 556.266.210.000 đồng, nhưng chưa hoàn thành thủ tục để Cơ quan chức năng cấp Giấy đăng ký kinh doanh mới.
- Tập đoàn HAPACO đã phát hành 4.106.385 cổ phiếu để thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm. Tỷ lệ thực hiện 100:8 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu, sẽ được nhận 08 cổ phiếu mới), ngày đăng ký cuối cùng là ngày 21/10/2016. Tổng giá trị cổ phiếu theo mệnh giá là 41.063.850.000 đồng.
- Tập đoàn HAPACO đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số tiền 17.824.022.280 đồng thu được từ hoạt động thanh lý cổ phần tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.
- Tập đoàn HAPACO đã thực hiện điều chỉnh hồi số tiền 15.580.471.042 đồng là số thuế Thu nhập doanh nghiệp truy thu từ hoạt động thanh lý cổ phần tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 theo Quyết định số 3902/QĐ-CT ngày 01/09/2016 về việc Xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua kiểm tra việc chấp hành Pháp luật về Thuế của Cục Thuế Thành phố Hải Phòng.
- Theo Biên bản thỏa thuận ngày 04/11/2016 giữa Tập đoàn HAPACO, Công ty TNHH Hapaco Hải Âu và Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green (nay là Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green), các bên đã thống nhất Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green nhận chuyển nhượng một phần tài sản đã đầu tư vào bệnh viện tương ứng với số tiền 134.320.652.798 đồng. Đồng thời, Tập đoàn HAPACO thực hiện ghi nhận giảm vốn đầu tư tại Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green tương ứng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn HAPACO theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn HAPACO áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn HAPACO đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Lưu ý khi đọc Báo cáo tài chính riêng

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn HAPACO và các Công ty con (Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;



- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |

2.10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 30.6/2012/HTĐT ngày 30/06/2012 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco với các nội dung sau đây:

- Nội dung hợp tác kinh doanh: Hợp tác đầu tư tài chính theo danh mục thỏa thuận giữa hai bên;
- Góp vốn: Tập đoàn HAPACO góp vốn tối đa là 100 tỷ đồng;
- Phân chia kết quả hợp tác kinh doanh: Tập đoàn HAPACO được hưởng lợi nhuận thu được từ việc đầu tư hợp tác kinh doanh sau khi đã trừ đi chi phí đầu tư và các khoản chi phí khác (nếu có) theo tỷ lệ góp vốn vào dự án đầu tư. Nếu việc hợp tác đầu tư kinh doanh có rủi ro và bị thua lỗ thì Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco phải tự chịu trách nhiệm 100% về phần vốn bị thua lỗ và hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính liên quan đối với nhà nước, đối tác, khách hàng;
- Định kỳ phân chia kết quả kinh doanh: 06 tháng/lần.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Các khoản vay và Chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tập đoàn HAPACO bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn HAPACO hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn HAPACO, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn HAPACO, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn HAPACO mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn HAPACO, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	46.514.518	44.380.142
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	838.953.136	874.573.747
	885.467.654	918.953.889

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	37.332.564.551	-	79.600.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	37.332.564.551	-	79.600.000.000	-
	37.332.564.551	-	79.600.000.000	-

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 37.332.564.551 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất 6,59%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	363.842	84.800	(279.042)	74.400
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	363.842	84.800	(279.042)	74.400
	363.842	84.800	(279.042)	74.400

Giá trị hợp lý của cổ phiếu này được xác định căn cứ theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HOSE.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	256.226.220.713	(76.124.494.135)	256.226.220.713	(90.867.937.796)
- Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	10.984.455.931	-	10.984.455.931	-
- Công ty TNHH Hapaco Hải Âu	30.643.720.000	-	30.643.720.000	-
- Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	19.266.156.000	-	19.266.156.000	-
- Công ty Cổ phần Hải Hà	8.000.000.000	-	8.000.000.000	(312.846.044)
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	7.238.119.565	-	7.238.119.565	-
- Công ty TNHH Hapaco H.P.P	155.630.855.217	(67.701.767.318)	155.630.855.217	(83.057.939.745)
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	24.462.914.000	(8.422.726.817)	24.462.914.000	(7.497.152.007)
Các khoản đầu tư khác	332.517.676.093	(4.466.143.461)	466.838.328.891	(1.979.895.948)
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	23.624.251.523	-	23.624.251.523	-
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	291.893.424.570	-	426.214.077.368	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	15.000.000.000	(2.466.143.461)	15.000.000.000	(1.979.895.948)
- Công ty Cổ phần Đông được Tiên Sa	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	-
	588.743.896.806	(80.590.637.596)	723.064.549.604	(92.847.833.744)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Hapaco Hải Âu (1)	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng	100,00%	100,00%	Sản xuất giấy
- Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn (2)	Số 826 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái	100,00%	100,00%	Sản xuất giấy
- Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc (3)	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình	100,00%	100,00%	Trồng rừng, sản xuất giấy
- Công ty Cổ phần Hải Hà (4)	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà	61,54%	61,54%	Sản xuất giấy
- Công ty TNHH Hapaco H.P.P (5)	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng	100,00%	100,00%	Sản xuất giấy
- Công ty TNHH Hapaco Phương Đông (6)	Số 9 đường Cầu Bính - Hải Phòng	100,00%	100,00%	Sản xuất bột giấy
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng (7)	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng	99,84%	99,84%	Kinh doanh thương mại

(1) Công ty TNHH HAPACO Hải Âu được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200462650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 07 tháng 05 năm 2002, thay đổi lần thứ 5 ngày 22/03/2014.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 là 26.169.600.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 441A Tôn Đức Thắng, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

(2) Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần HAPACO Yên Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200189376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 11/06/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 28/06/2012.

Vốn điều lệ giấy đăng ký kinh doanh số 5200189376 thay đổi lần thứ 9 ngày 28/06/2012 của Công ty là 11.000.000.000 VND. Tuy nhiên, Vốn đầu tư của Chủ sở hữu thực tế của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 18.086.500.000 VND. Đến thời điểm 31/12/2016, do chưa hoàn tất thủ tục sáp nhập Công ty TNHH HAPACO Việt Hưng vào Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn, Công ty chưa được Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số nhà 826, đường Điện Biên, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

(3) Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000270, cấp ngày 03/07/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 16 tháng 09 năm 2013.

Vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 là 7.238.119.565 đồng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km18, Quốc lộ 15A, Xã Vạn Mai, Huyện Mai Châu, Tỉnh Hòa Bình.

(4) Công ty Cổ phần Hải Hà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp ngày 18/10/2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 03/06/2013.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được hai cổ đông góp vốn tại thời điểm 31/12/2016 là 13.000.000.000 đồng; Trong đó, Tập đoàn HAPACO góp 8.000.000.000 đồng tương đương 61,54% vốn điều lệ của Công ty. Công ty chưa thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Cổ phần sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn theo Luật doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Cụm Công nghiệp Nam Quang, Xã Vĩnh Tuy, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang.

(5) Công ty TNHH Hapaco H.P.P (chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Hapaco H.P.P) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200822159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 19 ngày 06 ngày 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 11 tháng 04 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 127.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty chỉ có một cổ đông duy nhất là Tập đoàn HAPACO góp vốn tại thời điểm 31/12/2016 là 155.630.855.217 đồng. Công ty chưa thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Cổ phần sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo Luật Doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 17 Quốc lộ 5, Thôn Tiên Nông, Xã Đại Bản, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

(6) Công ty TNHH Hapaco Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng số 0200822092 ngày 18/01/2010.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng, vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 là 10.984.455.931 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 9 đường Cầu Bình, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định số 134/QĐ-HAP ngày 15/10/2011 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Hapaco về việc điều chuyển vốn, tài sản và các nghĩa vụ giữa các đơn vị thành viên của Tập đoàn HAPACO, Công ty TNHH Hapaco Phương Đông thực hiện bàn giao toàn bộ vốn, giá trị còn lại của tài sản và công nợ tại thời điểm 31/10/2011 cho Công ty TNHH Hapaco Hải Âu quản lý và khai thác. Công ty TNHH Hapaco Phương Đông đã ngừng hoạt động từ ngày 31/10/2011 nhưng chưa hoàn thành các thủ tục sáp nhập vào Công ty TNHH Hapaco Hải Âu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

(7) Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 12 tháng 04 năm 2000, thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 08 năm 2008.

Vốn điều lệ của Công ty là 12.132.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 là 6.132.000.000 đồng.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 135 Điện Biên Phủ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn HAPACO và Công ty con trong năm: Xem Thuyết minh 28.

Đầu tư vào đơn vị khác:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Số 24 Cù Chính Lan, Hồng Bàng, Hải Phòng	6,64%	6,64%	Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán
- Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng	15,00%	15,00%	Hoạt động tư vấn quản lý
- Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	Phường Hải Tân, Hải Dương	20,00%	20,00%	Kinh doanh đông dược
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green (*)	Số 738, Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	84,84%	19,00%	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện

(*): Theo Nghị quyết số 07/2015/NQ-HAP ngày 10/06/2015 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn HAPACO: Trong thời gian Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green (nay là Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green) tăng vốn điều lệ, Tập đoàn HAPACO và Công ty TNHH Hapaco Hải Âu (Công ty con 100% vốn của Tập đoàn) sẽ không góp thêm vốn và thực hiện chuyển nhượng phần vốn đã góp nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn HAPACO và Công ty TNHH Hapaco Hải Âu tại Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green tối đa là 19%. Tại Nghị quyết nêu trên cũng nêu rõ, giao cho Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO thực hiện tìm đối tác nhận chuyển nhượng vốn của Bệnh viện Green để báo cáo Tập đoàn. Do đó, Tập đoàn đang phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green là khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Theo Biên bản thỏa thuận ngày 04/11/2016 giữa Tập đoàn HAPACO, Công ty TNHH Hapaco Hải Âu và Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green (nay là Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green), Quyết định số 06/QĐ-HAP-HĐQT của Hội đồng Quản trị Tập đoàn HAPACO, Quyết định số 09/QĐ-Green-HĐTV ngày 06/11/2016 của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green. Các bên đã thống nhất Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green nhận chuyển nhượng một phần tài sản đã đầu tư vào bệnh viện tương ứng với số tiền 134.320.652.798 đồng. Đồng thời, Tập đoàn HAPACO thực hiện ghi nhận giảm vốn đầu tư tại Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green tương ứng.

Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green đã thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh, trở thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 16/11/2016.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Hapaco HPP	1.714.264.528	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.225.746.196	1.225.746.196
	2.940.010.724	1.225.746.196
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	1.714.264.528	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)</i>		

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Công nghiệp và Thương mại Sao Việt	500.000.000	-	500.000.000	-
- Công ty TNHH Xây lắp Điện nước Tùng Dương	1.730.037.957	-	1.730.037.957	-
- Công ty Trung Việt - Đài Loan	887.442.072	-	887.442.072	-
- Chou Ching Shui	744.626.880	(744.626.880)	744.626.880	(744.626.880)
- Các khoản trả trước người bán khác	2.959.745.515	(1.171.607.010)	2.961.431.515	(1.171.607.010)
	6.821.852.424	(1.916.233.890)	6.823.538.424	(1.916.233.890)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

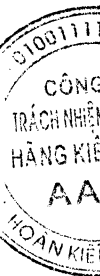
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Ông Trần Sáng	-	2.000.000.000
- Công ty TNHH Hapaco H.P.P (1)	4.700.000.000	5.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng (2)	6.253.778.053	6.253.778.053
- Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	-	1.300.000.000
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	-	6.000.000.000
- Bà Vũ Thị Hiền	48.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	-	4.300.000.000
	<u>11.001.778.053</u>	<u>24.853.778.053</u>

(1) Khoản cho Công ty TNHH Hapaco H.P.P theo Hợp đồng vay số 01.04.2015/HĐVV-HPP ngày 24/04/2015 với các thông tin cụ thể như sau:

- + Mục đích cho vay: Công ty Công ty TNHH Hapaco H.P.P bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 0%/năm;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc đến thời điểm 31/12/2016 là 4.700.000.000 đồng;

(2) Hợp đồng vay vốn số: 30.12/HAP- HĐVV ngày 30/12/2009 với Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Phụ lục hợp đồng vay vốn số: 30.12/2009/HAP-HĐVV-PL2; 30.12/2009/HAP-HĐVV-PL3; 30.12/2009/HAP-HĐVV-PL4 với các điều khoản sau:

- + Mục đích cho vay: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn cho vay: Tối đa 12 tháng và gia hạn đến ngày 31/12/2016 theo Phụ lục số 04;
- + Lãi suất cho vay: 0%/năm;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc đến thời điểm 31/12/2016 là 6.253.778.053 đồng.



8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tạm ứng	69.742.923	-	69.742.923	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	273.476.284	-	273.476.284	-
- Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn	4.434.004.058	(461.380.464)	5.086.888.014	(461.380.464)
- Phải thu lãi vay Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	-	-	29.900.000	-
- Phải thu Công ty CP Dệt may Hải Phòng	18.682.504.970	-	18.682.504.970	-
- Phải thu Công ty CP Đầu tư HAFINCO	18.717.714.897	-	18.717.714.897	-
- Phải thu Công ty TNHH Hapaco Hải Âu tiền trả hộ tiền vay	1.411.145.607	-	7.708.552.377	-
- Hợp đồng hợp tác đầu tư (1)	97.207.885.000	-	97.207.885.000	-
- Phải thu khoản chi hộ Công ty TNHH Hapaco H.P.P	5.344.603.028	-	5.544.603.028	-
- Phải thu công nợ ứng trước cho cá nhân thực hiện công việc cho Tập đoàn	9.873.100.000	-	9.873.100.000	-
- Phải thu quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt	-	-	305.955.127	-
- Phải thu của cá nhân về lãi tiền gửi	1.687.600.000	-	1.687.600.000	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green về vốn góp thừa đầu tư tại bệnh viện (2)	134.320.652.798	-	-	-
- Phải thu khác	2.105.502.000	(1.537.913.470)	3.879.511.112	(1.714.479.870)
	294.127.931.565	(1.999.293.934)	169.067.433.732	(2.175.860.334)

(1) Theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư – Kinh doanh số 30.6/2012/HTĐT ngày 30 tháng 06 năm 2012 và Phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐĐT-PL01 ngày 01/07/2013 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO thì Tập đoàn HAPACO chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO để cùng hợp tác đầu tư tối đa là 100 tỷ đồng vào mục đích hợp tác do hai bên thỏa thuận. Theo đó, hai bên quyết toán kết quả hợp tác đầu tư kinh doanh định kỳ 6 tháng một lần. Ngoài ra, trong trường hợp có rủi ro và thua lỗ, Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO phải chịu trách nhiệm 100% về khoản vốn bị thua lỗ và hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính liên quan đến nhà nước, đối tác và khách hàng. Tính đến thời điểm 31/12/2016, Tập đoàn HAPACO đã chuyển cho đối tác trong Hợp đồng Hợp tác Đầu tư - Kinh doanh số tiền là 97.207.885.000 đồng.

(2) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 04/11/2016 giữa Tập đoàn HAPACO, Công ty TNHH Hapaco Hải Âu và Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green (nay là Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green), Quyết định số 06/QĐ-HAP-HĐQT của Hội đồng Quản trị Tập đoàn HAPACO, Quyết định số 09/QĐ-Green-HĐTV ngày 06/11/2016 của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green. Các bên đã thống nhất Tập đoàn HAPACO góp vốn thừa vào Bệnh viện Green và Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green nhận chuyển nhượng một phần tài sản đã đầu tư vào bệnh viện tương ứng với số tiền 134.320.652.798 đồng. Tập đoàn HAPACO đã thực hiện ghi nhận khoản phải thu tương ứng với Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green (nay là Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green).

9. NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	3.915.527.824	-	4.092.094.224	-
+ Lãi vay Công ty Điện máy Hải Phòng	461.380.464	-	461.380.464	-
+ Đỗ Thị Vân Anh	156.934.470	-	156.934.470	-
+ Công ty Cổ phần Sao Việt	100.000.000	-	100.000.000	-
+ Công ty Điện máy Hải Phòng	150.000.000	-	150.000.000	-
+ Chênh lệch công nợ chưa rõ nguyên	795.659.000	-	795.659.000	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	257.500.000	-	257.500.000	-
+ Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Hapaco	33.000.000	-	33.000.000	-
+ Công ty Trung Việt - Đà Loan	44.820.000	-	44.820.000	-
+ Công ty TNHH Mậu dịch Hưng Việt - Trung Quốc	338.698.500	-	338.698.500	-
+ Các đối tượng khác	1.577.535.390	-	1.754.101.790	-
	3.915.527.824	-	4.092.094.224	-

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	490.904.545	200.000.000	105.330.455	796.235.000
Số dư cuối năm	490.904.545	200.000.000	105.330.455	796.235.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	244.088.621	200.000.000	105.330.455	549.419.076
- Khấu hao trong năm	32.726.964	-	-	32.726.964
Số dư cuối năm	276.815.585	200.000.000	105.330.455	582.146.040
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	246.815.924	-	-	246.815.924
Tại ngày cuối năm	214.088.960	-	-	214.088.960

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 305.330.455 đồng

11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	41.350.000.000	41.350.000.000	29.917.740.685	45.794.269.643	25.473.471.042	25.473.471.042
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng	41.350.000.000	41.350.000.000	27.669.671.042	43.546.200.000	25.473.471.042	25.473.471.042
(1)						
+ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	2.248.069.643	2.248.069.643	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	11.216.461.684	11.216.461.684	21.210.292.884	11.216.461.684	21.210.292.884	21.210.292.884
+ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (2)	11.216.461.684	11.216.461.684	21.210.292.884	11.216.461.684	21.210.292.884	21.210.292.884
	52.566.461.684	52.566.461.684	51.128.033.569	57.010.731.327	46.683.763.926	46.683.763.926
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	145.537.114.482	145.537.114.482	-	11.216.461.684	134.320.652.798	134.320.652.798
+ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (2)	145.537.114.482	145.537.114.482	-	11.216.461.684	134.320.652.798	134.320.652.798
	145.537.114.482	145.537.114.482	-	11.216.461.684	134.320.652.798	134.320.652.798
	(11.216.461.684)	(11.216.461.684)	(21.210.292.884)	(11.216.461.684)	(21.210.292.884)	(21.210.292.884)
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						
	134.320.652.798	134.320.652.798			113.110.359.914	113.110.359.914

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Chi tiết khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng như sau:

(1a) Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cầm cố số 602.16.251.1131446.TD giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng và Ông Vũ Dương Hiền theo Giấy Ủy quyền 02/2014/NQ-HĐQT ngày 07/04/2015, gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 956.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- + Lãi suất vay: 7 %/năm;
- + Thời hạn vay: Từ ngày 01/11/2016 đến ngày 31/03/2017;
- + Tài sản đảm bảo tiền vay: Giấy tờ có giá;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 956.000.000 đồng.

(1b) Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố số 401.16.251.1131446.TD ngày 01/08/2016 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng và Ông Vũ Dương Hiền theo Giấy Ủy quyền 02/2014/NQ-HĐQT ngày 07/04/2015, gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 1.890.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- + Lãi suất vay: 7,5 %/năm;
- + Thời hạn vay: Từ ngày 01/08/2016 đến ngày 01/01/2017;
- + Tài sản đảm bảo tiền vay: Giấy tờ có giá;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 1.890.000.000 đồng.

(1c) Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố số 459.16.251.1131446.TD giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng và Ông Vũ Dương Hiền theo Giấy Ủy quyền 02/2014/NQ-HĐQT ngày 07/04/2015, gồm các điều khoản chi tiết sau:

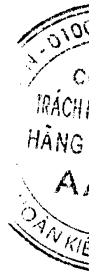
- + Số tiền vay: 5.580.471.042 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- + Lãi suất vay: 7,5 %/năm;
- + Thời hạn vay: Từ ngày 06/09/2016 đến ngày 06/02/2017;
- + Tài sản đảm bảo tiền vay: Giấy tờ có giá;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 5.580.471.042 đồng.

(1d) Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố số 632.16.251.11341446.TD giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng và Ông Vũ Dương Hiền theo Giấy Ủy quyền 02/2014/NQ-HĐQT ngày 07/04/2015, gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 10.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- + Lãi suất vay: 7 %/năm;
- + Thời hạn vay: Từ ngày 17/11/2016 đến ngày 17/04/2017;
- + Tài sản đảm bảo tiền vay: Giấy tờ có giá;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 10.000.000.000 đồng.

(1e) Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố số 611.16.251.1131446.TD giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng và Ông Vũ Dương Hiền theo Giấy Ủy quyền 02/2014/NQ-HĐQT ngày 07/04/2015, gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 3.116.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- + Lãi suất vay: 7 %/năm;
- + Thời hạn vay: Từ ngày 08/11/2016 đến ngày 08/04/2017;
- + Tài sản đảm bảo tiền vay: Giấy tờ có giá;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 3.116.000.000 đồng.



(1f) Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo số 681.16.251.1131446.TD giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng và Ông Vũ Dương Hiền theo Giấy Ủy quyền 02/2014/NQ-HĐQT ngày 07/04/2015, gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 3.931.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- + Lãi suất vay: 7 %/năm;
- + Thời hạn vay: Từ ngày 02/12/2016 đến ngày 02/05/2017;
- + Tài sản đảm bảo tiền vay: Giấy tờ có giá;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 3.931.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(2) Hợp đồng tín dụng số 1603-LDS-201401412 ngày 31/10/2014 và Biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng vay ngày 11/11/2014 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng với các điều khoản sau:

- + Hạn mức tín dụng: 163.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư cho dự án xây dựng Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Green;
- + Lãi suất vay: Áp dụng cho từng lần giải ngân là lãi suất cho vay do Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân;
- + Thời hạn vay: 102 tháng từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên;
- + Tài sản đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai: Toàn bộ công trình, vật kiến trúc là tòa nhà chính 09 tầng và các công trình phụ trợ trên diện tích 11.460,1 m² đất thuê tại 738 Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng;
- + Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2016 là: 134.320.652.798 đồng; Trong đó, Nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2017 là 21.210.292.884 đồng.

Chi tiết bao gồm các khế ước nhận nợ sau:

(a) Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số: 1603-LDS-201402573 ngày 11/11/2014 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, căn cứ hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201401412 ngày 31/10/2014:

- + Lãi suất vay: 9,5 %/ năm;
- + Số dư nợ gốc tại 31/12/2016 là 111.395.586.000 đồng; Trong đó, Nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2017 là 17.590.500.000 đồng.

(b) Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số: 1603-LDS-201403062 ngày 30/12/2014 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, căn cứ hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201401412 ngày 31/10/2014:

- + Lãi suất vay: 9,5 %/ năm;
- + Số dư nợ gốc tại 31/12/2016 là 3.006.910.000 đồng; Trong đó, Nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2017 là 474.780.000 đồng.

(c) Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số: 1603-LDS-201402489 ngày 31/10/2014 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, căn cứ hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201401412 ngày 31/10/2014:

- + Lãi suất vay: 9,5 %/ năm;
- + Số dư nợ gốc tại 31/12/2016 là 5.937.500.000 đồng; Trong đó, Nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2017 là 937.500.000 đồng.

1100
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HẢI PHÒNG
HẢI PHÒNG
SC
- TP. H

(d) Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1603-LDS-201403851 ngày 09/12/2014 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, căn cứ hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201401412 ngày 31/10/2014:

+ Lãi suất vay: 9,5 %/ năm;

+ Số dư nợ gốc tại 31/12/2016 là 8.384.654.970 đồng; Trong đó, Nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2017 là 1.323.892.884 đồng.

(e) Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1603-LDS-201500352 ngày 12/02/2015 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, căn cứ hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201401412 ngày 31/10/2014:

+ Lãi suất vay: 9,5 %/ năm;

+ Số dư nợ gốc tại 31/12/2016 là 5.596.001.828 đồng; Trong đó, Nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2017 là 883.620.000 đồng.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	1.551.544.600	1.551.544.600	1.551.544.600	1.551.544.600
- Công ty TNHH Đầu tư Kỹ thuật 4D	-	-	907.641.000	907.641.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đầu tư Hải Phòng	-	-	1.343.171.050	1.343.171.050
- Công ty TNHH Phát triển Phần mềm FPT	-	-	720.580.000	720.580.000
- Phải trả các đối tượng khác	1.620.113.013	1.620.113.013	1.709.703.013	1.709.703.013
	3.171.657.613	3.171.657.613	6.232.639.663	6.232.639.663
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	1.551.544.600	1.551.544.600	1.551.544.600	1.551.544.600
- Công ty TNHH Đầu tư Kỹ thuật 4D	-	-	907.641.000	907.641.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đầu tư Hải Phòng	-	-	1.343.171.050	1.343.171.050
- Công ty TNHH Phát triển Phần mềm FPT	-	-	720.580.000	720.580.000
- Phải trả các đối tượng khác	1.620.113.013	1.620.113.013	1.709.703.013	1.709.703.013
	3.171.657.613	3.171.657.613	6.232.639.663	6.232.639.663

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	51.280.155	-	-	51.280.155
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	27.113.025.642	1.888.736.993	15.580.471.042	-	13.421.291.593
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.158.851.230	1.530.478.624	1.280.212.922	-	1.409.116.932
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	305.373.375	305.373.375	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	219.203.323	6.972.592.631	7.191.795.954	-	-
	-	28.491.080.195	10.748.461.778	24.357.853.293	-	14.881.688.680

Quyết toán thuế của Tập đoàn HAPACO sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Lãi vay phải trả Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	-	2.030.000.000
- Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	248.120.095	320.096.579
- Lãi vay phải trả cá nhân	350.941.676	3.596.293.448
- Chi phí phải trả khác	192.500.000	124.990.273
	791.561.771	6.071.380.300

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	38.137.158	45.566.806
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.342.000	7.964.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác	40.766.005.420	37.268.734.960
+ Phải trả Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	-	13.632.539.478
+ Phải trả Công ty TNHH Hapaco Phương Đông về khoản chi hộ Tập đoàn	3.539.458.529	3.539.458.529
+ Phải trả Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc về lợi nhuận chuyển thừa	2.922.523.450	4.022.523.450
+ Phải trả Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn về khoản chi hộ Tập đoàn	4.424.223.056	4.104.223.056
+ Phải trả Công ty TNHH Hapaco H.P.P do bàn giao nhà máy giấy	9.668.037.887	9.668.037.887
+ Phải trả Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green tiền chi hộ Tập đoàn	14.796.303.175	234.300.000
+ Phải trả về thù lao hội đồng quản trị	2.107.251.800	1.024.094.637
+ Phải trả Ông Vũ Dương Hiền tiền vay không tính lãi	1.940.000.000	-
+ Phải trả Công ty Cổ phần Hải Hà	80.000.000	-
+ Phải trả khác	1.288.207.523	1.043.557.923
	40.816.484.578	37.322.265.766

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Tầng 5+6 Tòa nhà Khánh Hội - Quận Ngô Quyền - Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	322.601.220.000	126.320.828.671	(4.570.790.000)	48.799.641.664	44.904.786.033	538.055.686.368
Tăng vốn trong năm trước	192.601.140.000	-	-	-	-	192.601.140.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	26.930.608.013	26.930.608.013
Giảm vốn trong năm trước	-	(96.394.884.000)	-	-	-	(96.394.884.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.396.629.841)	(1.396.629.841)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(16.052.326.000)	(16.052.326.000)
Số dư cuối năm trước	515.202.360.000	29.925.944.671	(4.570.790.000)	48.799.641.664	54.386.438.205	643.743.594.540
Số dư đầu năm nay	515.202.360.000	29.925.944.671	(4.570.790.000)	48.799.641.664	54.386.438.205	643.743.594.540
Tăng vốn trong năm nay (1)	41.063.850.000	(30.000.000)	-	-	(41.063.850.000)	(30.000.000)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	21.323.624.198	21.323.624.198
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(25.682.383.000)	(25.682.383.000)
Trích thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.678.157.163)	(2.678.157.163)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Số dư cuối năm nay	556.266.210.000	29.895.944.671	(4.570.790.000)	48.799.641.664	5.985.672.240	636.376.678.575

(1) Thực hiện theo Nghị quyết số 07/NQ-ĐHCD ngày 22/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông, Tập đoàn HAPACO đã hoàn thành đợt phát hành thêm 4.106.385 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tỷ lệ thực hiện 100:8 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu, sẽ được nhận 08 cổ phiếu mới). Số cổ đông được phân phối là 7.114 cổ đông. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 19/10/2016, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 21/10/2016. Tổng giá trị cổ phiếu theo mệnh giá là 41.063.850.000 đồng. Lợi nhuận chưa phân phối của Tập đoàn HAPACO giảm 41.063.850.000 đồng. Chi phí của việc phát hành cổ phiếu ghi nhận trong năm là 30.000.000 đồng.

Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-ĐHCD ngày 22 tháng 04 năm 2016, Tập đoàn HAPACO công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2015 theo Báo cáo tài chính hợp nhất Tập đoàn	73.398.832.071
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	300.000.000
Trích thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát	2.678.157.163
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt	25.682.383.000
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	41.063.850.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ	Đầu năm VND	Tỷ lệ
Ông Vũ Dương Hiền	71.841.670.000	12,91%	34.606.490.000	6,72%
Cổ phiếu quỹ	1.554.700.000	0,28%	1.554.700.000	0,30%
Các cổ đông khác	482.869.840.000	86,81%	479.041.170.000	92,98%
	556.266.210.000	100%	515.202.360.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	515.202.360.000	322.601.220.000
- Vốn góp tăng trong năm	41.063.850.000	192.601.140.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	556.266.210.000	515.202.360.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	66.746.233.000	16.052.326.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	55.626.621	51.520.236
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	55.626.621	51.520.236
- Cổ phiếu phổ thông	55.626.621	51.520.236
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- Cổ phiếu phổ thông	155.470	155.470
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	55.471.151	51.364.766
- Cổ phiếu phổ thông	55.471.151	51.364.766
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Tập đoàn HAPACO

	31/12/2016 VND	42.370 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	48.799.641.664	48.799.641.664
	48.799.641.664	48.799.641.664

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2016	01/01/2016
- Đô la Mỹ	USD	-	1.017,40

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.498.180.349	8.059.367.046
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.368.868.500	13.000.008.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.461.447
	24.867.048.849	21.060.836.493

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	15.017.513.240	20.323.614.725
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	193.306	-
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(12.257.206.548)	20.541.256.066
Chi phí tài chính khác	4.039.768	-
	2.764.539.766	40.864.870.791

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.152.689.422	4.487.920.196
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.726.964	32.726.964
Chi phí dự phòng	-	2.089.421.790
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(176.566.400)	-
Thuế, phí, và lệ phí	15.476.000	15.436.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.375.515.861	2.177.984.994
Chi phí khác bằng tiền	2.053.266.700	2.610.602.861
	7.453.108.547	11.414.092.805

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ công nợ phải trả nhưng không phải trả (*)	15.881.742.801	-
Lợi thế về đất khi thực hiện góp vốn tại Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế	-	74.500.000.000
Thu nhập khác	-	347.453
	15.881.742.801	74.500.347.453

(*) Căn cứ theo Biên bản làm việc số 01/BB ngày 20/06/2016 và Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 30/06/2016, Hội đồng Quản trị Tập đoàn HAPACO đã quyết định xử lý xóa khoản công nợ không phải trả và ghi nhận vào Thu nhập khác cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2016 số tiền là 15.662.539.478 đồng. Phần còn lại giá trị 219.203.323 đồng là số thuế khác không còn phải nộp căn cứ theo xác nhận số liệu với Cơ quan Thuế.

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy điện Phiên Con dừng thực hiện	-	100.000.000
Chi phí đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy lọc dầu Đình Vũ dừng thực hiện	-	8.412.508.611
Truy thu Thuế Thu nhập cá nhân, Thuế Xuất nhập khẩu (*)	117.929.192	-
Phạt vi phạm về Thuế (*)	7.200.852.954	-
Xử lý khoản tài sản thiếu chờ xử lý	-	649.631.319
Chi phí khác	-	1.607.179
	7.318.782.146	9.163.747.109

(*) Theo Quyết định số 3902/QĐ-CT ngày 01/09/2016 về việc Xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua kiểm tra việc chấp hành Pháp luật về Thuế của Cục Thuế Thành phố Hải Phòng.

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	23.212.361.191	34.118.473.241
Các khoản điều chỉnh tăng	7.600.192.276	11.553.649.430
- Chi phí không hợp lệ	7.600.192.276	2.391.509.500
- Lỗ do đầu tư tại Dự án Nhà máy điện Phiên Con Sơn La và Dự án Nhà máy lọc dầu Đình Vũ	-	8.512.508.611
- Lỗ do xử lý Tài sản thiếu chờ xử lý	-	649.631.319
Các khoản điều chỉnh giảm	(21.368.868.500)	(13.000.008.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(21.368.868.500)	(13.000.008.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	9.443.684.967	32.672.114.671
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.888.736.993	7.187.865.228
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	27.113.025.642	21.951.940.779
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(15.580.471.042)	(2.026.780.365)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	13.421.291.593	27.113.025.642

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND	
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	885.467.654	-	918.953.889	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	297.067.942.289	(1.999.293.934)	170.293.179.928	(2.175.860.334)
Các khoản cho vay	48.334.342.604	-	104.527.778.053	-
Đầu tư ngắn hạn	363.842	(279.042)	363.842	(289.442)
Đầu tư dài hạn	332.517.676.093	(4.466.143.461)	466.838.328.891	(1.979.895.948)
	678.805.792.482	(6.465.716.437)	742.578.604.603	(4.156.045.724)
Giá trị sổ kế toán				
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			159.794.123.840	186.887.114.482
Phải trả người bán, phải trả khác			43.988.142.191	43.554.905.429
Chi phí phải trả			791.561.771	6.071.380.300
			204.573.827.802	236.513.400.211

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tập đoàn HAPACO đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn HAPACO sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tập đoàn HAPACO được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tập đoàn HAPACO có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn HAPACO quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn HAPACO.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn HAPACO. Tập đoàn HAPACO có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2016	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	885.467.654	-	-	885.467.654
Phải thu khách hàng, phải thu khác	295.068.648.355	-	-	295.068.648.355
Các khoản cho vay	48.334.342.604	-	-	48.334.342.604
Đầu tư ngắn hạn	84.800	-	-	84.800
Đầu tư dài hạn	-	328.051.532.632	-	328.051.532.632
	344.288.543.413	328.051.532.632	-	672.340.076.045

Tại ngày 01/01/2016

Tiền và các khoản tương đương tiền	918.953.889	-	-	918.953.889
Phải thu khách hàng, phải thu khác	168.117.319.594	-	-	168.117.319.594
Các khoản cho vay	104.453.778.053	74.000.000	-	104.527.778.053
Đầu tư ngắn hạn	74.400	-	-	74.400
Đầu tư dài hạn	-	464.858.432.943	-	464.858.432.943
	273.490.125.936	464.932.432.943	-	738.422.558.879

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn HAPACO gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn HAPACO chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2016	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	46.683.763.926	-	113.110.359.914	159.794.123.840
Phải trả người bán, phải trả khác	43.988.142.191	-	-	43.988.142.191
Chi phí phải trả	791.561.771	-	-	791.561.771
	91.463.467.888	-	113.110.359.914	204.573.827.802

Tại ngày 01/01/2016

Vay và nợ	52.566.461.684	-	134.320.652.798	186.887.114.482
Phải trả người bán, phải trả khác	43.554.905.429	-	-	43.554.905.429
Chi phí phải trả	6.071.380.300	-	-	6.071.380.300
	102.192.747.413	-	134.320.652.798	236.513.400.211

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	29.917.740.685	43.367.595.828
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	57.010.731.327	60.196.535.296

26. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tập đoàn HAPACO là đầu tư tài chính, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong tổng doanh thu, tài sản và kết quả kinh doanh. Đồng thời, toàn bộ các hoạt động này được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tập đoàn HAPACO không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cũng như khu vực địa lý.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Cổ tức được nhận		21.368.868.500	13.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	Công ty con	8.000.000.000	13.000.000.000
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Công ty con	5.400.000.000	-
Công ty TNHH Hapaco Hải Âu	Công ty con	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Tập đoàn Hapaco là cổ đông của Công ty	968.868.500	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm

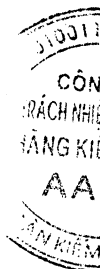
	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
Công ty TNHH Hapaco H.P.P	Công ty mẹ	1.714.264.528	-
Phải thu khác ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	Công ty con	-	29.900.000
Công ty CP Đầu tư HAFINCO	Tập đoàn Hapaco là cổ đông lớn của Công ty	115.925.599.897	115.925.599.897
Công ty TNHH Hapaco Hải Âu	Công ty con	1.411.145.607	7.708.552.377
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	Công ty con	3.882.752.225	3.882.752.225
Công ty TNHH Hapaco H.P.P	Công ty con	5.344.603.028	5.344.603.028
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	Tập đoàn Hapaco là cổ đông lớn của Công ty	134.320.652.798	-
Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.687.600.000	1.687.600.000
Phải thu về cho vay			
Công ty TNHH Hapaco H.P.P	Công ty con	4.700.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	Công ty con	6.253.778.053	6.253.778.053
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	Công ty con	-	1.300.000.000
Công ty CP Đầu tư Hafinco	Tập đoàn Hapaco là cổ đông lớn của Công ty	-	4.300.000.000
Phải trả khác ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Tập đoàn Hapaco là cổ đông của Công ty	-	13.632.539.478
Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	Công ty con	3.539.458.529	3.539.458.529
Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	Công ty con	2.922.523.450	4.022.523.450
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Công ty con	4.424.223.056	4.104.223.056
Công ty TNHH Hapaco H.P.P	Công ty con	9.668.037.887	9.668.037.887
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	Tập đoàn Hapaco là cổ đông lớn của Công ty	14.796.303.175	234.300.000
Công ty Cổ phần Hải Hà	Công ty con	80.000.000	-
Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.940.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	3.815.683.000	2.656.620.000

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên
			báo cáo năm trước VND
Bảng Cân đối kế toán riêng			
Phải thu ngắn hạn khác	136	169.067.433.732	169.037.533.732
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	28.491.080.195	8.989.324.251
Phải trả ngắn hạn khác	319	37.322.265.766	55.116.388.046
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	27.455.830.192	29.133.563.856

- Tập đoàn HAPACO đã thực hiện điều chỉnh số dư tại 01/01/2016 của khoản mục Phải thu ngắn hạn khác và Phải trả ngắn hạn khác tăng 29.900.000 đồng đối với công nợ phải thu về lãi vay của Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc do bù trừ công nợ không đúng nội dung.
- Tập đoàn HAPACO đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số tiền 17.824.022.280 đồng thu được từ hoạt động thanh lý cổ phần tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Khiến số Thuế TNDN phải nộp tại 01/01/2016 tăng 3.921.284.902 đồng; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước tại 01/01/2016 tăng 13.902.737.378 đồng và Phải trả ngắn hạn khác tại 01/01/2016 giảm 17.824.022.280 đồng.
- Tập đoàn HAPACO đã thực hiện điều chỉnh hồi số tiền 15.580.471.042 đồng là số thuế Thu nhập doanh nghiệp truy thu từ hoạt động thanh lý cổ phần tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng theo Quyết định số 3902/QĐ-CT ngày 01/09/2016 của Cục Thuế Thành phố Hải Phòng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Khiến số Thuế TNDN phải nộp tại 01/01/2016 tăng 15.580.471.042 đồng và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước tại 01/01/2016 giảm 15.580.471.042 đồng.

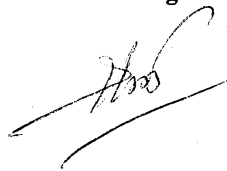
Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Cao Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng



Cao Thị Thúy Lan



Vũ Xuân Cường

